

Số: 40/BC-UBND

Bùi La Nhân, ngày 12 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành quý III - Phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ;
- Các phòng: Nội vụ; Tư pháp; Tài chính - Kế hoạch; Văn hóa - Thông tin tuyên truyền huyện;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện;

Thực hiện Kế hoạch CCHC xã Bùi La Nhân ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 17/01/2024; UBND xã Bùi La Nhân báo cáo công tác CCHC quý III - Phương hướng nhiệm vụ CCHC Quý IV năm 2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Tổ chức chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Trong 9 tháng đầu năm 2024 ủy ban nhân dân xã Bùi La Nhân đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã về ban hành kế hoạch Cải cách hành chính xã Bùi La Nhân năm 2024; Tổ chức triển khai thực hiện Cải cách hành chính tổng thể, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; thực hiện Nghị của của BCH Đảng bộ xã, Nghị quyết của Hội đồng nhân đó là: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới trong công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, từng bước thực hiện sắp xếp tinh giản tổ chức bộ máy theo lộ trình kế hoạch, các Đề án, Kế hoạch, chương trình đã xây dựng. Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa, một cửa liên thông, tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên công dịch vụ công Quốc gia và dịch vụ công Hà Tĩnh cơ bản đảm bảo, tỷ lệ theo quy định; bổ sung trang thiết bị, phát huy cao độ triển khai thực hiện hệ thống một cửa điện tử; hoàn thành các công trình xây dựng nhà văn hóa UBND xã đưa vào sử dụng.

2. Tiến độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy. Chín tháng đầu năm 2024 UBND chỉ đạo triển khai thực hiện và hoàn thành 25/33 nhiệm vụ, đạt 77% theo khung nhiệm vụ kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 đó là: Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024; Kế hoạch tuyên truyền CCHC; Kiện toàn ban chỉ đạo CCHC; kiện toàn tổ kiểm tra thực hiện vụ CCHC; xây dựng khung nhiệm vụ trọng tâm; ban hành kế hoạch khắc phục tồn tại hạn chế sau chấm điểm chỉ số năm 2023 của xã; xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, kiểm tra đánh giá tình hình thi hành pháp luật các lĩnh vực Tư pháp; Công an; Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức người hoạt động chuyên trách; Sửa đổi, bổ sung, quy chế hoạt động của UBND và quy chế phối hợp giữa UBND - UBNDTTQ và các tổ chức đoàn thể; Tiến hành công tác tự kiểm tra CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch đầu năm, Tổ chức rà soát các văn bản hành chính thông thường, tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy - chính quyền với người dân và doanh nghiệp trên các lĩnh vực đất đai - Tài nguyên môi trường, xây dựng nông thôn mới...

3. Về kiểm tra cải cách hành chính.

Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra CCHC theo khung nhiệm vụ và phụ lục kèm theo theo kế hoạch CCHC; tổ chức tự kiểm tra công tác CCHC đối với các ngành chuyên môn, sau kiểm tra lập biên bản các nội dung tồn tại hạn chế trên các lĩnh vực giao nhiệm vụ cho công chức chuyên môn phụ trách xây dựng kế hoạch khắc phục.

Khắc phục các tồn tại CCHC sau kết luận của đoàn kiểm tra CCHC huyện gồm: Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của UBND xã, Kế hoạch CCHC năm 2024, bổ sung, sắp xếp hồ sơ cán bộ, công chức, điều chỉnh hồ sơ lưu trữ điện tử...

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 17/01/2024 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024, đã triển khai tuyên truyền trên các hệ thống như: Hội nghị triển khai nhiệm vụ của UBND xã đầu năm; Giao ban, chào cờ đầu tháng; Đài Truyền thanh xã; hệ thống truyền thanh các thôn xóm; trang thôn tin điện tử xã; lồng ghép và các cuộc hội nghị tiếp xúc cử tri và triển khai Nghị quyết HĐND ở các thôn và sinh hoạt ở các tổ chức đoàn thể cấp xã; phối hợp với Phòng Tư pháp huyện, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh tuyên truyền về Luật thừa kế di sản, luật đất năm 2023...

5. Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao có hạn: 16 nhiệm vụ theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước cho UBND xã Bùi La Nhân; đến thời điểm báo cáo đã có 9 nhiệm vụ đạt và vượt chỉ tiêu bằng 57% kế hoạch theo quyết định giao chỉ tiêu của huyện; các chỉ tiêu còn lại tiếp tục tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện theo kế hoạch phân đầu đến cuối năm hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

6. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC:

Tổ chức phát động trong đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính và lồng ghép triển khai viết sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp công tác, đăng ký thi đua đầu trong hội nghị cán bộ, công chức, người lao động đầu năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL

Chín tháng đầu năm 2024 UBND xã không ban hành văn bản QPPL nào, chỉ ban hành hành các văn bản cá biệt, thông thường;

Tổ chức tự kiểm tra các văn bản đã ban hành đảm đúng nguyên tắc, trình tự và nội dung, sau kiểm tra CCHC của huyện đã phát hiện văn bản cá biệt đã ban hành có chứa nội dung quy phạm xã bãi bỏ và bổ sung, sửa đổi.

- *Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật*

Ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/01/2024 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn xã

Chín tháng năm 2024 đã điều tra bắt và xử lý vi phạm hành chính 06 vụ, gồm 6 đối tượng

+ Tổng số tiền xử phạt = 3.800.000 đồng.

- *Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.*

Chín tháng đầu năm 2024 UBND xã đã tổ chức tuyên truyền được các nội dung cụ thể sau:

Tuyên truyền cho nhân dân thực hiện Vệ sinh An toàn thực phẩm; Sử dụng các nguồn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng trong dịp tết Nguyên Đán Giáp Thìn.

Tuyên truyền Quy định về sử dụng pháo nổ, pháo hoa nổ; Sử dụng rượu bia; An toàn giao thông trong dịp tết Nguyên Đán.

Tuyên truyền kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

Tuyên truyền cho nhân dân thực hiện chương trình xây dựng xã Nông thôn mới Kiểu mẫu.

Tuyên truyền kỷ niệm 120 năm ngày sinh đồng chí Trần Phú cố Tổng bí thư đầu tiên của Đảng.

Tuyên truyền ngày Quốc khánh Nước cộng hòa xã hội Việt Nam 02/9/2024

Tuyên truyền kỷ niệm 77 năm ngày thương binh liệt sỹ.

UBND xã đã tổ chức phát thanh truyền truyền trên hệ thống truyền thanh của xã được 65 lượt. Thông qua hội nghị cán bộ công chức và họp chi bộ, thôn xóm được 19 lượt với tổng số 1.300 lượt người tham gia.

Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý của tỉnh, phòng tư pháp huyện tổ chức tuyên truyền và trợ giúp pháp lý người dân tại nhà văn hóa xã về lĩnh vực đất đai, hồ sơ thừa kế di sản, di chúc...

* *Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.*

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản, thành lập tổ kiểm tra, rà soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên tiến hành kiểm tra, rà soát theo kế hoạch.

3. Cải cách thủ tục hành chính

* *Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:*

Căn cứ kế hoạch của UBND huyện đề xã xây dựng kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

* *Cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền.*

- Số thủ tục hành chính công bố mới: 0 thủ tục;
- Số Thủ tục hành chính bãi bỏ, hay thế: 0 thủ tục.

** Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC*

Bộ trí phòng một cửa đảm bảo diện tích theo quy định; trang bị máy tính, máy in, máy photo, máy fax, camera, cây tra cứu TTHC được kết nối mạng Internet đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức;

Tổ chức hỗ trợ người dân và doanh nghiệp khi đến giao dịch TTHC qua cổng dịch vụ công trực tuyến

Kiên toàn bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC, xây dựng nội quy, quy chế làm việc; niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

** Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC.*

Trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch, Đất đai, Lao động TB&XH đã giải quyết 215 hồ sơ.

** Về kết quả giải quyết TTHC .*

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong 9 tháng là 425 hồ sơ; (trong đó: Trực tuyến 315 đạt 74%; trực tiếp 110; hồ sơ kỳ trước chuyển sang 0; hồ sơ giải quyết đúng hạn 06, hồ sơ trực hạn 419; hồ sơ trong hạn 0;

** Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, và tổ chức liên quan đến quy định TTHC.*

Trong 9 tháng đầu năm 2024, UBND xã Bùi La Nhân không tiếp nhận ý kiến phản ánh kiến nghị của người dân và tổ chức về tiếp nhận và giải quyết TTHC chuyển đến theo quy định.

** Thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.*

Triển khai lấy phiếu đánh giá hài lòng của tổ chức, cá nhân đến giao dịch TTHC qua quét mã QR, chất lượng phiếu đánh giá 100% người dân, tổ chức hài lòng đối với cán bộ, công chức khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng kế hoạch tinh giản bộ máy trình theo lộ trình và quy hoạch nguồn cán bộ cấp ủy đảng hàng năm và quy hoạch theo nhiệm kỳ.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đến thời điểm báo cáo:

- Tổng cán bộ, công chức theo quy định 20 người. Đến thời điểm báo cáo Số lượng cán bộ, công chức có 25 người.

- Số cán bộ, công chức biên chế tinh giảm trong kỳ báo cáo: không

5. Cải cách công vụ.

- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, rà soát các vị trí, việc làm thuộc thẩm quyền quản lý của nhà nước;
- Triển khai cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã hành ký cam kết thực hiện QĐ 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.
- Kiện toàn tổ công tác theo dõi, đôn đốc việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách; kiểm tra, nhắc nhở, lập sổ theo dõi những cán bộ, công chức vi phạm giờ giấc làm việc,
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024. Đến thời điểm báo cáo đã có 01 công chức, 02 người hoạt động không chuyên trách tham gia học học trung cấp chính, có 25 lượt người tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

6. Cải cách tài chính công.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính- ngân sách tại địa phương.
 - + *Kết quả thực hiện giải ngân nguồn vốn.*
- Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân được 7.472.000.000đ nguồn đầu tư công, trong đó nguồn thu từ hỗ trợ ngân sách cấp trên 4.982.000.000đ; thu từ đóng góp của doanh nghiệp trực tiếp cho công trình: 2.490.000.000đ
- + *Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước.*
 - Thực hiện quy định quản lý, sử dụng tài sản công.
- Xây dựng quy chế về quản lý, sử dụng tài sản công, kiểm kê tài sản công định kỳ theo quy định.

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị.

Thực hiện thu - chi ngân sách theo Nghị quyết HĐND xã đầu năm phê duyệt.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số.

7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.
- Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước; khai thác và phát huy có hiệu quả các phần mềm chuyên ngành, của từng lĩnh vực
- + Hạ tầng kỹ thuật đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn dữ liệu và bảo mật thông tin trong phục vụ công việc.
- + Sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm chỉ đạo điều hành, phần mềm chuyên ngành, phần mềm dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số.
- + Khai thác và phát huy có hiệu quả các kênh họp trực tuyến, đảm bảo chất lượng đường truyền tín hiệu.

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị:

Xây dựng kế hoạch duy trì áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO đã ban hành năm 2021 có hiệu quả; xây dựng quy trình; bổ sung các quy trình giải quyết thủ tục hành chính, quy trình nội bộ theo danh mục các quy trình nội bộ thuộc các lĩnh vực.

Tổ chức kiện toàn ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện thực hiện áp dụng hệ thống theo tiêu chuẩn ISO – 9001:2015.

8. Mức độ thu hút đầu tư:

Trong 9 tháng đầu năm 2024 thu hút đầu tư công 7.472.000.000đồng

9. Tỷ lệ Doanh nghiệp thành lập mới trong năm: Trong 9 tháng đầu năm 2024 chưa thành lập được doanh nghiệp;

10. Tỷ lệ đóng góp của Doanh nghiệp vào thu ngân sách của địa phương:

Trong 9 tháng đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo đã thu hút được 2.490.000.000đ

11. Thực hiện thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách đến 15/9/2024: 1.154.713.000đ/5.900.000.000 đồng đạt 19,6% kế hoạch.

III. Đánh giá chung.

Trong 9 tháng năm tổ chức triển khai quán triệt các chủ trương, nghị quyết của đảng, kế hoạch của Nhà nước và nghị quyết của HĐND xã; UBND đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị, xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chấn chỉnh, nền nếp; cán bộ, công chức được phân công nhiệm vụ trực tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chấp hành nghiêm nội quy, quy chế hoạt động phục vụ tốt cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch TTHC.

1. Tồn tại, hạn chế.

- Đến thời điểm báo cáo thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp;
- Một số thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, tài nguyên - môi trường giải quyết chậm. Đặc biệt là cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Số lượng cán bộ, công chức đến thời điểm báo cáo vẫn còn dôi dư so với quy định được biên chế;
- Triển khai thực hiện các quy trình, các bước trong áp dụng hệ thống chất lượng ISO vẫn còn bất cập.
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính qua công dịch vụ công quốc gia chưa đạt tỷ lệ theo quy định.
- Việc phối hợp công tác trong đội ngũ cán bộ, công chức khi được giao nhiệm vụ thiếu tính tự giác, kết quả phối hợp công tác chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ IV CUỐI NĂM 2024:

1. Tổ chức rà soát các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, các chỉ tiêu, tiêu chí trong kế hoạch CCHC để tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các công chức chuyên môn thực hiện nhiệm vụ CCHC theo lộ trình kế hoạch cải cách hành chính và khung nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, tăng cường công tác tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện chế độ một cửa, một cử liên thông; chỉ đạo khắc phục những tồn tại hạn chế sau kết luận của đoàn kiểm tra CCHC huyện. Xây dựng chương trình, lịch công tác hàng tháng theo nhóm nhiệm vụ trong khung kế hoạch đầu năm.

2. Tổ chức triển khai tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân theo đúng kế hoạch;

3. Tập trung giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo đúng quy định, đẩy mạnh việc giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu. Đặc biệt chú trọng, tập trung vào việc số hóa hồ sơ khi thực hiện giao dịch TTHC như: Lĩnh vực đất đai, lĩnh vực bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng...

4. Xây dựng kế hoạch rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch của huyện.

5. Tiếp tục rà soát, thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ đạo của huyện đối với cán bộ, công chức dôi dư.

6. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ thu – Chi ngân sách. Đặc biệt tập trung cao cho việc thu ngân sách trên địa bàn và thu các khoản nợ đọng của người dân và các hợp đồng dịch vụ trên toàn xã.

7. Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin, Tổ chức thực hiện kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 tại UBND xã; bổ sung các quy trình thực hiện theo lĩnh vực chuyên môn.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại phòng giao dịch một cửa, một cửa điện tử.

Trên đây là báo cáo Cải cách hành chính Quý III - phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2024 xã Bùi La Nhân báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Dân ủy, TT HĐND;
- Chủ tịch, PCT UBND ;
- Lưu: VP/UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Linh

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ BÙI LA NHÂN**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 12/9/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác Chỉ đạo điều hành	Văn bản		
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	77	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
1.3.	Kiểm tra CCHC			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4	Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	%		
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra	%		
1.5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	16	Đã hòa thành 9/16 đạt 56%
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	¹	
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	195	
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 1 Phát phiếu = 0 Kết hợp = 2	0 1	
1.7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2	Cải cách thể chế	Văn bản		
2.1	Tổng số VBQPPL¹ do các đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hoặc do địa phương ban hành	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành	Văn bản		
2.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	164	
3.1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		Riêng các cơ quan TW: báo cáo rõ số
3.1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		TTHC cấp tỉnh, huyện, xã; Các Sở, ngành báo cáo số TTHC của đơn vị;
3.1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục	164	UBND cấp huyện báo cáo số TTHC cấp huyện, cấp xã (trừ số TTHC thuộc cơ quan TW đã báo cáo)
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	41	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	09	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
3.3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4	Cải cách tổ chức bộ máy	Các cơ quan TW không phải báo cáo nội dung này (mục 4)		
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4.1.4	Số tổ chức liên ngành do UBND tỉnh thành lập để thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao	Tổ chức		
4.1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	9	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	12	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	20	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	25	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Cải cách chế độ công vụ	Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 5)		
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
5.4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6	Cải cách tài chính công	Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 6)		
6.1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	3.050.000.000	
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 02 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia/cấp tỉnh	%		
7.3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.3.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%		
7.3.1.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
7.3.1.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
7.3.1.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
7.3.2	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.3.2.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.3.2.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.3.2.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
7.4.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.4.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	139	
7.4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
7.4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
7.4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục		
7.4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên	Thủ tục		

	<i>Cổng DVC quốc gia</i>			
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%		
7.4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (<i>cả trực tiếp và trực tuyến</i>)	Hồ sơ		
7.4.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
7.4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
7.4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (<i>tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...</i>)	Thủ tục		
7.4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
7.5	Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị			
7.5.1	Ban hành các văn bản về ISO	Văn bản	04	
7.5.2	Ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại đơn vị:			
7.5.2.1	Ban hành tài liệu hệ thống; Công bố/công bố lại hệ thống; ban hành mục tiêu chất lượng	Quyết định		
7.5.2.2	Tổng số quy trình được áp dụng tại đơn vị (<i>QTNB TTHC; QTNB TTHC giữa các cơ quan HCNN; QTNB khác</i>)	Quy trình		
7.5.2.3	Số quy trình được ban hành mới/sửa đổi trong quý/6 tháng/năm	quy trình		
7.5.3	Tuyên truyền, tập huấn về ISO hành chính	cuộc/bài/tin	01	
7.5.4	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ; xem xét lãnh đạo đối với hệ thống	lần		
7.5.5	Vận hành và áp dụng quy trình nội bộ trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.5.5.1	Số hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.8	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu	%		
7.7.9	Kết quả áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị, địa phương: (<i>Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc quản lý của ngành (Sở, ban, ngành báo cáo) Các đơn vị, địa phương trên địa bàn (UBND cấp huyện báo cáo)</i>)			
7.7.9.1	Số đơn vị/ địa phương đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị		

7.7.9.2	Số đơn vị/địa phương triển khai mới trong năm	Đơn vị		
---------	---	--------	--	--

PHỤ LỤC 2A
THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI LIÊN QUAN TỪNG LĨNH VỰC CCHC
CỦA UBND XÃ BÙI LA NHÂN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 12/1/2024 của UBND xã Bùi La Nhân)

STT	TÊN LOẠI VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY, THÁNG, NĂM BAN HÀNH VĂN BẢN	NỘI DUNG TRÍCH YẾU VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN (Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện)	GHI CHÚ
1	Kế hoạch	Số: 02/KH-UBND	11/01/2024	Kế hoạch Hoạt động mô hình Zalo kết nối bình yên	UBND XÃ	
2	Kế hoạch	Số 03/KH-UBND	13/01/2024	Kê hoạch công tác năm 2024	UBND XÃ	
3	Kế hoạch	Số: 05/KH-UBND	17/01/2024	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023	UBND XÃ	
4	Kế hoạch	Số: 07/KH-UBND	17/01/2024	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024	UBND XÃ	
5	Kế hoạch	Số: 09/KH-UBND	18/01/2024	Kế hoạch tự kiểm tra công tác CCHC năm 2024	UBND XÃ	
6	Kế hoạch	Số: 12/KH-UBND	04/03/2024	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	UBND XÃ	
7	Kế hoạch	Số: 13/KH-UBND	06/03/2024	Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế sau chấm điểm CCHC năm 2023	UBND XÃ	
8	Quyết định	Số: 04/QĐ-UBND	16/01/2024	QĐ v/v Công khai dự toán thu chi ngân sách năm 2024	UBND XÃ	
9	Quyết định	Số: 05/QĐ-UBND	17/01/2024	QĐ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	UBND XÃ	
10	Quyết định	Số: 06/QĐ-UBND	17/01/2024	QĐ ban hành quy chế Sử dụng và quản lý tài sản công	UBND XÃ	
11	Quyết định	Số: 09/QĐ-UBND	17/01/2024	QĐ v/v Ban hành kế hoạch CCHC năm 2024	UBND XÃ	
12	Quyết định	Số: 12/QĐ-UBND	17/01/2024	QĐ v/v kiện toàn tổ kiểm tra thực hiện CCHC và QĐ số 52 của UBND tỉnh	UBND XÃ	
13	Quyết định	Số: 11/QĐ-UBND	18/01/2024	QĐ V/v kiện toàn BCD cải cách hành chính năm 2023	UBND XÃ	

14	Quyết định	Số: 30/QĐ-UBND	12/03/2024	QĐ V/v ban hành kế hoạch kiểm soát TTTC và thực hiện cơ chế 1 cửa liên thông trên địa bàn xã	UBND Xã
15	Công văn	Số:24/UBND-NV	08/03/2024	Về việc Chỉ đạo thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ	UBND Xã
16	Báo cáo	Số: 12/BC-UBND	13/03/2024	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC Quý I - Phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024	UBND Xã
17	Công văn	Số 48/UBND-NV	03/06/2024	Tăng cường công tác tuyên truyền CCHC năm 2024	UBND Xã
18	Báo cáo	Số 31/BC-UBND	28/06/2024	Báo cáo công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của người dân	UBND Xã
19	Báo cáo	Số 35/BC-UBND	01/07/2024	Báo cáo thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm - phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024	UBND Xã
20	Quyết định	Số 108/QĐ-UBND	08/07/2024	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc UBND xã Bùi La Nhân nhiệm kỳ 2021-2026	UBND Xã
21	Công văn	Số 71/UBND-NV	22/08/2024	Về việc khắc phục tồn tại hạn chế sau kết luận của đoàn kiểm tra CCHC huyện	UBND Xã

Tổng số: 21 văn bản
